

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 26 tháng 8 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phượng Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

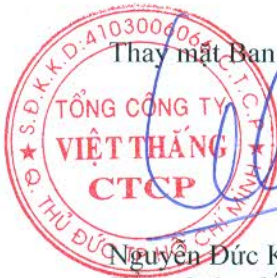
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 18 tháng 11 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-630/1



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2014

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		581.241.744.169	489.036.478.405
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.647.325.712	48.738.679.908
Tiền	111		41.847.325.712	23.738.679.908
Các khoản tương đương tiền	112		35.800.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	11.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		11.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu	130	6	251.881.917.195	174.034.019.848
Phải thu khách hàng	131		180.133.062.922	150.432.753.804
Trả trước cho người bán	132		69.200.880.810	16.894.349.447
Các khoản phải thu khác	135		2.774.048.615	6.932.991.749
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(226.075.152)	(226.075.152)
Hàng tồn kho	140	7	200.001.788.904	231.667.068.073
Tài sản ngắn hạn khác	150		40.710.712.358	9.596.710.576
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		686.971.190	100.287.964
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.248.314.885	344.897.100
Tài sản ngắn hạn khác	158		37.775.426.283	9.151.525.512
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		353.098.332.709	302.032.911.552
Tài sản cố định	220		258.945.725.882	209.573.549.687
Tài sản cố định hữu hình	221	8	209.121.595.066	204.322.516.232
Nguyên giá	222		553.764.071.587	537.480.727.375
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(344.642.476.521)	(333.158.211.143)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	49.824.130.816	5.251.033.455
Bất động sản đầu tư	240	10	697.595.012	812.246.658
Nguyên giá	241		26.436.678.414	26.557.628.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.739.083.402)	(25.745.381.756)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	91.527.485.498	91.527.485.498
Đầu tư vào công ty con	251		75.799.934.464	75.799.934.464
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư dài hạn khác	258		9.350.000.000	9.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.681.235.129)	(9.681.235.129)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn khác	260		1.927.526.317	119.629.709
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.927.526.317	119.629.709
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		934.340.076.878	791.069.389.957
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		461.781.116.412	357.852.170.229
Nợ ngắn hạn	310		412.594.664.732	357.852.170.229
Vay ngắn hạn	311	12	291.698.376.531	186.073.751.543
Phải trả người bán	312	13	38.358.748.029	68.365.187.541
Người mua trả tiền trước	313		2.247.616.079	1.981.115.711
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.665.891.346	10.766.887.537
Phải trả người lao động	315		32.644.203.399	35.075.881.485
Chi phí phải trả	316		216.168.691	806.651.567
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	30.180.337.528	51.203.517.266
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		10.583.323.129	3.579.177.579
Nợ dài hạn	330		49.186.451.680	-
Vay và nợ dài hạn	334		49.186.451.680	-
Vốn chủ sở hữu	410	16	472.558.960.466	433.217.219.728
Vốn cổ phần	411	17	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	2.172.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	417	18	47.700.748.981	47.700.748.981
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	5.696.073.596	5.696.073.596
Lợi nhuận chưa phân phối	420		216.989.410.616	177.647.669.878
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 410)	440		934.340.076.878	791.069.389.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ USD	3.997,93	35.512,76

Ngày 18 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp includes: 'S.Đ.K.K.D: 4103000000' at the top, 'TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG CTCP' in the center, and 'Q. THỦ ĐỨC TP. HỒ CHÍ MINH' at the bottom. A blue handwritten signature is written over the stamp.

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	19	804.677.688.527	749.954.149.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	2.916.121.347	5.834.875
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	801.761.567.180	749.948.314.770
Giá vốn hàng bán	11	20	714.159.350.659	670.162.057.951
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		87.602.216.521	79.786.256.819
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.621.263.760	919.944.823
Chi phí tài chính	22	22	7.112.143.946	3.411.174.117
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.934.399.070	2.338.483.321
Chi phí bán hàng	24		3.385.038.035	3.435.351.110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.625.944.022	19.144.363.249
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		58.100.354.278	54.715.313.166
Thu nhập khác	31	23	13.189.938.043	13.513.623.678
Chi phí khác	32	24	12.060.890.225	12.841.021.447
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.129.047.818	672.602.231
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.229.402.096	55.387.915.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	12.188.681.064	11.820.053.065
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		47.040.721.032	43.567.862.332

Ngày 18 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		59.229.402.096	55.387.915.397
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		17.916.091.999	18.421.491.500
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.445.805.528)	(99.737.276)
Chi phí lãi vay	06		5.934.399.070	2.338.483.321
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		81.634.087.637	76.048.152.942
Biến động các khoản phải thu	09		(112.616.879.793)	(51.493.200.509)
Biến động hàng tồn kho	10		31.665.279.169	52.720.746.163
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(32.581.167.663)	55.407.983.363
Biến động chi phí trả trước	12		(2.394.579.834)	(660.046.136)
			(34.293.260.484)	132.023.635.823
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.934.399.070)	(2.338.483.321)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.173.551.936)	(4.919.376.194)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(694.834.744)	(5.265.737.743)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(57.096.046.234)	119.500.038.565
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(67.173.616.548)	(1.572.004.241)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		205.150.000	24.454.545
Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.100.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		29.100.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn			-	(9.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		5.482.319.418	3.549.697.594
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(47.486.147.130)	(26.997.852.102)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.000.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		515.292.839.995	162.220.589.615
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(360.481.763.327)	(271.439.606.685)
Tiền trả cổ tức	36		(32.320.237.500)	(23.895.652.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		133.490.839.168	(133.114.669.945)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		28.908.645.804	(40.612.483.482)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		48.738.679.908	57.675.118.100
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	77.647.325.712	17.062.634.618

Ngày 18 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 1.337 nhân viên (31/12/2013: 1.302 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các chính sách kế toán được áp dụng bởi Công ty cho báo cáo tài chính giữa niên độ này thống nhất với những chính sách kế toán Công ty áp dụng cho báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, nếu cần, trong báo cáo tài chính này. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành riêng giữa niên độ các báo cáo này.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày báo cáo. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, kể cả các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 16 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(m) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(n) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(o) *Doanh thu lãi tiền gửi*

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh vật liệu dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty con, công ty liên doanh, công ty mẹ và các công ty con, và công ty liên doanh, liên kết của công ty mẹ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	325.206.603	73.124.500
Tiền gửi ngân hàng	41.522.119.109	20.665.555.408
Tiền đang chuyển	-	3.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	35.800.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	77.647.325.712	48.738.679.908

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có lãi suất hàng năm từ 6,6% đến 6,8%.

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu khách hàng có các khoản sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu công ty con	1.235.309.491	1.285.649.325
Phải thu công ty liên doanh	1.507.456.041	802.517.434
Phải thu các công ty liên quan khác	6.369.762.072	20.329.592.245
Phải thu các bên thứ ba	171.020.535.318	128.014.994.800
	<hr/>	<hr/>
	180.133.062.922	150.432.753.804

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ các công ty liên quan khác	1.530.922.000	5.101.672.000
Lãi phải thu	-	670.913.890
Phải thu khác	1.243.126.615	1.160.405.859
	<hr/>	<hr/>
	2.774.048.615	6.932.991.749

Các khoản phải thu từ các công ty con, công ty liên doanh và các công ty liên quan khác không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	12.205.542.679	19.565.734.224
Nguyên vật liệu	22.454.774.160	36.332.102.320
Công cụ và dụng cụ	52.984.985	31.854.453
Sản phẩm dở dang	21.854.273.072	21.118.342.344
Thành phẩm	120.234.153.911	143.365.293.685
Hàng hóa	23.200.060.097	7.458.742.007
Hàng gửi đi bán	-	3.794.999.040
	<hr/>	<hr/>
	200.001.788.904	231.667.068.073
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 128 tỷ VND (31/12/2013: 126 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	56.789.502.871	567.538.364	469.272.596.525	10.851.089.615	537.480.727.375
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.935.271.357	-	17.005.247.830	660.000.000	22.600.519.187
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(4.968.719.185)	-	(6.317.174.975)
Số dư cuối kỳ	60.376.318.438	567.538.364	481.309.125.170	11.511.089.615	553.764.071.587
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	41.420.255.770	216.406.318	285.390.007.732	6.131.541.323	333.158.211.143
Khấu hao trong kỳ	1.327.419.668	55.874.178	15.671.909.289	746.237.218	17.801.440.353
Thanh lý	(1.348.455.790)	-	(4.968.719.185)	-	(6.317.174.975)
Số dư cuối kỳ	41.399.219.648	272.280.496	296.093.197.836	6.877.778.541	344.642.476.521
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	15.369.247.101	351.132.046	183.882.588.793	4.719.548.292	204.322.516.232
Số dư cuối kỳ	18.977.098.790	295.257.868	185.215.927.334	4.633.311.074	209.121.595.066

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 165 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 154 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 44 tỷ VND (31/12/2013: 47 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.251.033.455	458.545.455
Tăng trong kỳ/năm	67.173.616.548	31.357.953.115
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.600.519.187)	(26.565.465.115)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	49.824.130.816	5.251.033.455
	<hr/>	<hr/>

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	26.557.628.414
Thanh lý	(120.950.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	26.436.678.414
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	25.745.381.756
Khấu hao trong kỳ	114.651.646
Thanh lý	(120.950.000)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	25.739.083.402
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	812.246.658
Số dư cuối kỳ	697.595.012
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014				31/12/2013			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư công ty con								
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	836.300	52,27%	52,27%	10.651.839.464	836.300	52,27%	52,27%	10.651.839.464
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000
				<u>75.799.934.464</u>				<u>75.799.934.464</u>
Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết								
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	7.058.786.163	-	50,00%	50,00%	7.058.786.163
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000
				<u>16.058.786.163</u>				<u>16.058.786.163</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	30/6/2014				31/12/2013			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư dài hạn khác								
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	3,63%	3,63%	750.000.000	75.000	4,36%	4,36%	750.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000	500.000	5,00%	5,00%	5.000.000.000
				9.350.000.000				9.350.000.000
				101.208.720.627				101.208.720.627
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(9.681.235.129)				(9.681.235.129)
				91.527.485.498				91.527.485.498

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.681.235.129	515.349.029
Tăng trong kỳ/năm	-	9.165.886.100
Số dư cuối kỳ/năm	9.681.235.129	9.681.235.129

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	291.698.376.531	186.073.751.543

Các khoản vay ngắn hạn có các điều khoản và điều kiện như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay	VND	4,0% - 6,5%	2014	108.503.070.884	102.254.780.772
Khoản vay	USD	3,5% - 3,8%	2014	58.717.638.465	38.019.748.239
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay	VND	6,4% - 6,5%	2014	65.537.808.698	-
<i>Ngân hàng Quốc tế</i>					
Khoản vay	USD	2,5%	2014	32.623.644.885	-
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>					
Khoản vay	USD	2,5% - 2,8%	2014	26.316.213.599	45.799.222.532
				291.698.376.531	186.073.751.543

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 128 tỷ VND (31/12/2013: 126 tỷ VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****13. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả công ty con	9.757.800.244	5.891.703.928
Phải trả công ty mẹ	70.000.000	-
Phải trả các công ty liên quan khác	4.746.627	16.002.945.164
Phải trả các bên thứ ba	28.526.201.158	46.470.538.449
	<hr/>	<hr/>
	38.358.748.029	68.365.187.541

Khoản phải trả công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.618.052.261	10.602.923.133
Thuế thu nhập cá nhân	43.219.085	157.497.124
Thuế tài nguyên	4.620.000	6.467.280
	<hr/>	<hr/>
	6.665.891.346	10.766.887.537

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải trả	17.836.215.000	50.156.452.500
Phát hành cổ phần mới trong năm 2014 (*)	11.000.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	245.183.527	15.345.316
Kinh phí công đoàn	242.614.580	235.569.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	856.324.421	796.150.000
	<hr/>	<hr/>
	30.180.337.528	51.203.517.266

(*) Đây là số dư liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty trong năm 2014 được ghi nhận tạm thời trong khoản mục phải trả khác do việc sửa đổi giấy phép kinh doanh của Công ty chưa hoàn tất. Khoản này sẽ được chuyển vào vốn khi hoàn tất việc sửa đổi giấy phép kinh doanh.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	170.149.495.560	425.719.045.410
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	43.567.862.332	43.567.862.332
Cổ tức	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.491.628.634)	(9.491.628.634)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	194.225.729.258	449.795.279.108
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	177.647.669.878	433.217.219.728
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	47.040.721.032	47.040.721.032
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(7.698.980.294)	(7.698.980.294)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	216.989.410.616	472.558.960.466

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

18. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	494.456.768.163	479.228.159.740
▪ Bán hàng hóa	304.907.050.772	264.636.669.767
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	5.313.869.592	6.089.320.138
	<hr/>	<hr/>
	804.677.688.527	749.954.149.645
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	2.916.121.347	5.834.875
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	801.761.567.180	749.948.314.770

20. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Thành phẩm đã bán	416.156.115.695	411.164.165.558
Hàng hoá đã bán	297.235.333.011	257.719.275.112
Bất động sản đầu tư cho thuê	767.901.953	1.278.617.281
	<hr/>	<hr/>
	714.159.350.659	670.162.057.951

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.224.477.750	249.961.601
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	1.172.264.170	506.979.781
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	224.521.840	163.003.441
	<hr/>	<hr/>
	2.621.263.760	919.944.823
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.934.399.070	2.338.483.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.177.744.876	1.072.690.796
	<hr/>	<hr/>
	7.112.143.946	3.411.174.117
	<hr/>	<hr/>

23. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Thu phí điện từ các bên liên quan	3.472.351.448	2.781.546.865
Bán phế liệu	6.412.514.396	3.992.807.548
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	205.150.000	24.454.545
Thu nhập khác	3.099.922.199	6.714.814.720
	<hr/>	<hr/>
	13.189.938.043	13.513.623.678
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	-	4.848.474
Chi phí điện cho các bên liên quan	3.063.201.611	2.450.830.835
Chi phí bán phế liệu	6.137.234.047	3.750.920.243
Chi phí khác	2.860.454.567	6.634.421.895
	<u>12.060.890.225</u>	<u>12.841.021.447</u>

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	12.188.681.064	11.820.053.065

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	59.229.402.096	55.387.915.397
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.845.880.419	11.077.583.079
Chi phí không được khấu trừ thuế	160.115.200	194.669.042
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	182.685.445	547.800.944
	<u>12.188.681.064</u>	<u>11.820.053.065</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 22% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25%).

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, khoản cho vay và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	77.322.119.109	45.665.555.408
Đầu tư ngắn hạn	(ii)	11.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	182.681.036.385	157.139.670.401
		271.003.155.494	227.805.225.809

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thể hiện tại các khoản đầu tư ngắn hạn, của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 1.13%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp 30/6/2014 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2014 VND
Trong hạn	93.753.393.747	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	67.029.423.539	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	19.016.414.198	-
Quá hạn trên 180 ngày	333.831.438	(226.075.152)
	180.133.062.922	(226.075.152)

	Gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	76.122.556.534	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	49.299.705.662	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	24.676.660.170	-
Quá hạn trên 180 ngày	333.831.438	(226.075.152)
	150.432.753.804	(226.075.152)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	226.075.152	96.365.857

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/06/2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	291.698.376.531	296.495.701.011	296.495.701.011	-	-	-
Phải trả người bán	38.358.748.029	38.358.748.029	38.358.748.029	-	-	-
Phải trả người lao động	32.644.203.399	32.644.203.399	32.644.203.399	-	-	-
Chi phí phải trả	216.168.691	216.168.691	216.168.691	-	-	-
Phải trả khác	30.180.337.528	30.180.337.528	30.180.337.528	-	-	-
Vay dài hạn	49.186.451.680	59.445.120.658	2.244.131.858	17.857.316.941	24.568.852.201	14.774.819.658
	442.284.285.858	457.340.279.316	400.139.290.516	17.857.316.941	24.568.852.201	14.774.819.658

31/12/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	186.073.751.543	189.161.447.104	189.161.447.104
Phải trả người bán	68.365.187.541	68.365.187.541	68.365.187.541
Phải trả người lao động	35.075.881.485	35.075.881.485	35.075.881.485
Chi phí phải trả	806.651.567	806.651.567	806.651.567
Phải trả khác	51.203.517.266	51.203.517.266	51.203.517.266
	341.524.989.402	344.612.684.963	344.612.684.963

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, bằng VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch phát sinh rủi ro hối đoái chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.998	35.513
Phải thu khách hàng	525.799	406.443
Phải trả người bán	(562.999)	(1.735.615)
Vay ngắn hạn	(5.574.516)	(3.976.232)
Vay dài hạn	(2.320.528)	-
	<hr/>	<hr/>
	(7.928.246)	(5.269.891)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
1 USD	21.310	21.080
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.317.816.861)
	<hr/>
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(833.169.767)
	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	35.800.000.000	25.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	46.800.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	41.522.119.109	20.665.555.408
Vay ngắn hạn	(291.698.376.531)	(186.073.751.543)
Vay dài hạn	(49.186.451.680)	-
	<hr/>	<hr/>
	(299.362.709.102)	(165.408.196.135)
	<hr/>	<hr/>

Công ty chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Lãi suất tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 2,3 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2013: 1,2 tỷ VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	77.647.325.712	77.647.325.712	48.738.679.908	48.738.679.908
- Đầu tư ngắn hạn	11.000.000.000	11.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.681.036.385	182.681.036.385	157.139.670.401	157.139.670.401
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(68.539.085.557)	(68.539.085.557)	(119.568.704.807)	(119.568.704.807)
- Vay ngắn hạn	(291.698.376.531)	(291.698.376.531)	(186.073.751.543)	(186.073.751.543)
- Nợ phải trả tài chính khác	(32.860.372.090)	(32.860.372.090)	(35.882.533.052)	(35.882.533.052)
- Vay dài hạn	(49.186.451.680)	(*)	-	-

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty con				
Công ty cổ phần May Việt Thắng				
Bán thành phẩm	2.287.532.701	3.467.727.722	1.235.309.491	1.285.649.325
Doanh thu gia công	-	822.300	-	-
Ký quỹ thuê nhà	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)
Thu nhập cho thuê	787.426.182	838.376.728	-	-
Thu nhập khác	3.279.092.071	2.333.007.532	-	-
Chi phí khác	32.409.000	-	-	-
Mua hàng hóa	379.545.574	10.643.362.596	-	-
Thu nhập cổ tức	-	2.090.750.000	-	2.090.750.000
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An				
Bán thành phẩm	570.456.950	104.716.100	-	-
Thu nhập khác	319.277.569	4.656.828.605	-	-
Mua hàng hóa	9.601.052.605	6.777.406.639	-	-
Mua hàng gia công	37.880.058.620	40.422.034.956	(9.757.800.244)	(5.891.703.928)
Mua khác	83.159.420	181.367.112	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Trong giai đoạn sáu tháng		30/6/2014	
	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh và liên kết				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Bán thành phẩm	15.214.300	-	-	-
Mua hàng hóa	9.663.733	-	-	-
Mua dịch vụ	140.448.000	-	-	-
Doanh thu gia công	-	15.384.200	-	-
Thu nhập cho thuê	750.000.000	750.000.000	-	-
Thu nhập khác	1.351.707.292	1.124.198.992	1.507.456.041	802.517.434
Phân phối cổ tức	-	-	-	(1.000.000.000)
Thu nhập cổ tức	-	-	1.530.922.000	1.930.922.000
Cho vay	4.100.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	1.515.464.300	8.316.254.659	-	1.138.483.830
Doanh thu gia công	-	111.952.941	-	-
Mua hàng hóa	6.130.175.053	37.940.479.176	(4.746.627)	-
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	107.146.884.404	98.133.780.319	4.816.424.501	18.392.521.876
Bán dụng cụ và phụ tùng	4.211.302.660	4.464.681.420	-	-
Thu nhập cho thuê	2.938.090.910	2.938.090.910	-	-
Thu nhập khác	461.206.099	412.595.782	-	-
Mua hàng hóa	207.655.361.102	173.390.750.836	-	(15.981.569.414)
Lãi trả chậm	647.879.178	-	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	1.080.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày			
	Trong giai đoạn sáu tháng		30/6/2014		31/12/2013	
	30/6/2014	30/6/2013	30/6/2014	31/12/2013		
	VND	VND	VND	VND		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam						
Phân phối cổ tức	-	-	(16.637.500.000)	(24.637.500.000)		
Phí thành viên	70.000.000	-	-	-		
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương						
Bán thành phẩm	2.934.467.200	-	704.506.880	509.936.680		
Doanh thu gia công	-	2.480.400	-	-		
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam						
Dịch vụ gia công	26.065.600	-	-	(21.375.750)		
Bán thành phẩm	67.244.450	-	73.968.895	-		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ						
Mua hàng hóa	1.428.205.766	1.360.803.629	-	-		
Bán thành phẩm	493.550.500	176.173.980	-	-		
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú						
Bán thành phẩm	455.159.472	221.510.600	82.492.591	2.394.340		
Doanh thu gia công	136.737.175	1.161.827.280	-	-		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP						
Bán thành phẩm	1.788.532.950	929.272.500	633.959.205	157.337.400		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giá trị giao dịch Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	404.400.000	-		128.918.119
Doanh thu gia công	935.646.980	-	58.410.000	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	1.857.399.260	1.850.758.000	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	588.581.107.376	541.500.426.519
Chi phí nhân công	63.982.041.294	60.612.704.103
Chi phí khấu hao	17.916.091.999	18.421.491.500
Chi phí khác	58.242.202.051	58.849.007.787

Ngày 18 tháng 11 năm 2014

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc